

# GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY SINH VIÊN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG KHỞI NGHIỆP

Nguyễn Thị Thu An<sup>1</sup> và Huỳnh Thị Cẩm Bình<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ  
Email: nttan@ctuett.edu.vn

## TÓM TẮT

### Thông tin chung:

Ngày nhận bài:

02.4.2024

Ngày nhận bài sửa:

17.6.2024

Ngày duyệt đăng:

25.6.2024

### Từ khóa:

Khởi nghiệp, sinh viên khởi nghiệp, ý định khởi nghiệp

Trên cơ sở thu thập dữ liệu thứ cấp về khởi nghiệp của sinh viên vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước, bài viết sử dụng phương pháp phân tích định tính để tổng hợp thông tin và phân tích SWOT nhằm mục đích đánh giá thực trạng khởi nghiệp của sinh viên vùng đồng bằng sông Cửu Long, tìm hiểu những yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên và đề xuất giải pháp thúc đẩy sinh viên khởi nghiệp. Qua nghiên cứu, tác giả đã đề xuất 5 giải pháp thúc đẩy sinh viên khởi nghiệp, bao gồm: i) Nâng cao tinh thần, ý định khởi nghiệp của sinh viên; ii) Trợ giúp sinh viên tiếp cận chính sách hỗ trợ để đăng ký quyền sở hữu trí tuệ cho sản phẩm/dịch vụ mới; iii) Kết nối sinh viên có những ý tưởng khởi sự kinh doanh với những doanh nghiệp cấp vốn; iv) Tăng cường cung cấp kiến thức, tư vấn cho sinh viên khởi nghiệp; v) Hình thành hệ sinh thái hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ở Việt Nam những năm gần đây, hệ thống giáo dục đã bắt đầu chú trọng việc khơi dậy tinh thần khởi nghiệp cho thế hệ trẻ là học sinh, sinh viên ngay khi học sinh, sinh viên còn đang học. Trong bối cảnh đó, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1665/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2017 phê duyệt Đề án Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025 đã thể hiện sự quan tâm của Chính phủ với khởi nghiệp trong nhà trường. Đề án này góp phần tạo môi trường thuận lợi hỗ trợ học sinh, sinh viên hình thành và hiện thực hóa các ý tưởng, dự án khởi nghiệp, tạo việc làm tự thân cho sinh viên ngay sau khi tốt nghiệp. Sau hơn 6 năm thực hiện Quyết định số 1665/QĐ-TTg của Chính phủ, phong trào khởi nghiệp của học sinh, sinh viên Việt Nam còn nhiều hạn chế như: đề án chưa biến phong trào khởi nghiệp trở thành nhu cầu tự thân và

cần thiết của sinh viên và nhà trường; phần lớn các dự án khởi nghiệp tham gia các cuộc thi ở dạng ý tưởng và được sinh viên tham dự các cuộc thi chủ yếu là mang tính phong trào và rất ít các dự án được hỗ trợ về nguồn lực để phát triển tiếp là tạo ra sản phẩm, dịch vụ được thị trường chấp nhận và có tiềm năng phát triển. Tuy nhiên, xét về mặt tích cực thì chủ trương trên đã thành công trong việc chuyển tải, lan toả được 2 từ “khởi nghiệp” đến mọi người dân nói chung và đối tượng học sinh, sinh viên nói riêng. Tinh thần khởi nghiệp của thanh thiếu niên ngày nay còn mang khát vọng hoàn thiện những mong muốn của bản thân như khởi nghiệp để thử thách rèn luyện bản thân, thỏa mãn đam mê kinh doanh, tạo ra giá trị gia tăng và lợi nhuận, đồng thời góp phần xây dựng đất nước. Mỗi người dân đều có ý thức khởi nghiệp sẽ dần dần hình thành niềm tin, tinh

thần quốc gia khởi nghiệp. Bài viết này nhằm đánh giá thực trạng khởi nghiệp của sinh viên vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), tổng hợp những yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên và đề xuất giải pháp thúc đẩy sinh viên khởi nghiệp.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Một số định nghĩa

#### Khởi nghiệp (Entrepreneurship)

Có nhiều định nghĩa khác nhau về khởi nghiệp. Theo Macmillan (1993), khởi nghiệp là việc cá nhân chấp nhận mọi rủi ro để tạo lập doanh nghiệp mới hoặc mở cửa hàng kinh doanh vì mục đích lợi nhuận. Theo Nga và Shamuganathan (2010), khởi nghiệp là sự theo đuổi các cơ hội làm giàu về mặt kinh tế thông qua các sáng kiến hay các ý tưởng mới của cá nhân trong môi trường hoạt động không chắc chắn với các nguồn lực hữu hình giới hạn. Hisrich và Peters (2002) thì cho rằng, khởi nghiệp là quá trình tạo ra một cái gì đó mới, có giá trị bằng cách dành thời gian và nỗ lực cần thiết để đạt được sự độc lập về tiền tệ, trong đó có những rủi ro về tài chính và xã hội kèm theo.

Trong bài viết này, khởi nghiệp sẽ được hiểu là sự tạo dựng một công việc kinh doanh mới hay thành lập một doanh nghiệp mới thông qua những ý tưởng kinh doanh sáng tạo, nhận diện và tận dụng các cơ hội kinh doanh để đạt được sự hài lòng trong việc kinh doanh (Koe, 2012).

#### Ý định khởi nghiệp (Entrepreneurial Intention)

Theo Bird (1988), ý định khởi nghiệp của một cá nhân là trạng thái tâm trí hướng đến việc hình thành một hoạt động kinh doanh mới hay tạo lập một doanh nghiệp mới. Ý định khởi nghiệp cũng được định nghĩa là ý định của một cá nhân để bắt đầu một doanh nghiệp (Souitaris, 2007). Ngoài ra, Kuckertz và Wagner (2010) cũng khẳng định, ý định khởi nghiệp bắt nguồn từ việc nhận ra cơ hội,

tận dụng các nguồn lực sẵn có và sự hỗ trợ của môi trường để tạo lập doanh nghiệp.

Ý định khởi nghiệp trong phạm vi bài viết này được hiểu theo định nghĩa của Dohse và Walter (2012) do định nghĩa này súc tích và bao hàm cho những định nghĩa, nghiên cứu trước đây. Theo đó, ý định khởi nghiệp là trạng thái của tâm trí trong việc sẵn sàng thực hiện tự kinh doanh, tự tạo việc làm hoặc thành lập doanh nghiệp mới.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

**Dữ liệu nghiên cứu:** Dữ liệu chính của bài viết này là dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các nghiên cứu trước đây về khởi nghiệp, ý định khởi nghiệp của sinh viên ở các trường đại học, cao đẳng; dữ liệu về số lượng sinh viên, số lượng lao động trong doanh nghiệp giai đoạn 2018-2022 được thu thập từ Tổng Cục thống kê; những thông tin về chính sách liên quan đến khởi nghiệp được thu thập từ các báo, tạp chí,...

**Phương pháp phân tích:** Phương pháp phân tích định tính được sử dụng để phân tích, tổng hợp các dữ liệu thứ cấp. Ngoài ra, bài viết còn sử dụng ma trận SWOT để phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của sinh viên khi tham gia khởi nghiệp nhằm đề xuất giải pháp thúc đẩy sinh viên khởi nghiệp.

## 3. KẾT QUẢ THẢO LUẬN

### 3.1. Thực trạng lao động và số sinh viên hàng năm của vùng ĐBSCL

Do có độ trễ về thời gian của những dữ liệu về lao động, việc làm được thu thập từ Tổng cục thống kê đến năm 2023 nhưng dữ liệu này chỉ được thống kê đến năm 2020. Theo đó cho thấy, lực lượng lao động của vùng ĐBSCL có xu hướng giảm, năm 2019 lực lượng lao động của vùng trên 10,1 triệu người, giảm 1,7% so với năm 2018 và tiếp tục giảm 2,0% vào năm 2020, đến năm 2022 lực lượng lao động của vùng giảm còn 9.485 người (giảm 7,74% so với năm 2018). Theo đó, số lao động làm việc của vùng ĐBSCL

cũng có xu hướng ngày càng giảm, năm 2019 giảm 2,4% so với năm 2018 và năm 2020 giảm 1,9% so với năm 2019, đến năm 2022 số lao động làm việc trong nền kinh tế giảm còn 9.252 người (giảm 8,13% so với năm 2018).

Trong khi đó, số lượng sinh viên hàng năm của vùng ĐBSCL tăng liên tục và tỷ lệ tăng ở mức khá cao trong giai đoạn này, cụ thể năm 2019 số sinh viên tăng 12% so với năm 2018, năm 2020 tăng 12,6% so với năm 2019. Điều này cho thấy, tốc độ tăng hàng năm của số sinh

viên cao hơn rất nhiều so với tốc độ tăng của số lao động đang làm việc trong nền kinh tế. Vì vậy, có nhiều nguy cơ sinh viên tốt nghiệp sẽ khó tìm việc làm, phải làm nghề tự do, làm những việc trái chuyên ngành được đào tạo hoặc phải tự khởi nghiệp bắt đầu một hoạt động kinh doanh cho riêng mình. Điều này cũng được chứng minh qua số liệu về tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức của vùng ĐBSCL ở mức rất cao, tỷ lệ này dao động từ 80,4% đến 81,9% trong giai đoạn 2018-2020.

**Bảng 1. Thực trạng lao động và số sinh viên của vùng ĐBSCL giai đoạn 2018-2020**

| Chỉ tiêu                                         | Đơn vị<br>tính | 2018       | 2019       | 2020      | 2019/2018 |      | 2020/2019 |      |
|--------------------------------------------------|----------------|------------|------------|-----------|-----------|------|-----------|------|
|                                                  |                |            |            |           | Tuyệt đối | %    | Tuyệt đối | %    |
| Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên            | ngàn người     | 10.280.400 | 10.102.100 | 9.898.900 | -178.300  | -1,7 | -203.200  | -2,0 |
| Số lao động có việc làm trong nền kinh tế        | ngàn người     | 10.074.200 | 9.831.300  | 9.646.600 | -242.900  | -2,4 | -184.700  | -1,9 |
| Số sinh viên các trường đại học                  | người          | 127.379    | 142.695    | 160.653   | 15.316    | 12,0 | 17.958    | 12,6 |
| Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức        | %              | 80,4       | 81,9       | 80,7      | 1,5       |      | -1,2      |      |
| Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo | %              | 13,4       | 13,3       | 14,9      | -0,1      |      | 1,6       |      |

*Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Tổng Cục thống kê (2023), Niên giám thống kê năm 2022*

### 3.2. Thực trạng khởi nghiệp của sinh viên vùng ĐBSCL

Bảng 1 đã chỉ ra, tốc độ tăng số lượng sinh viên hàng năm cao hơn tốc độ tăng số lao động làm việc trong nền kinh tế nên một bộ phận sinh viên sau tốt nghiệp hoặc đang học sẽ khởi nghiệp, tuy nhiên tỷ lệ sinh viên tham gia khởi nghiệp bằng cách thành lập doanh nghiệp sau 5 năm được duy trì ở mức trên 7%/năm (Hùng T., 2023). Mặc dù tỷ lệ này ở mức cao nhưng còn kém so với tiềm năng về số lượng sinh viên hàng năm của vùng ĐBSCL.

Được sự nhìn nhận kịp thời và chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học đã đưa khởi nghiệp thành môn học bắt

buộc hoặc tự chọn vào chương trình đào tạo (chiếm 30% số cơ sở đào tạo đại học năm 2020 và tăng lên 48% cơ sở đào tạo đại học năm 2022). Ngoài ra, có 75% cơ sở đào tạo đã tổ chức được các hoạt động đào tạo ngắn hạn cho sinh viên thông qua các lớp kỹ năng khởi nghiệp và phần lớn tất cả các cơ sở đào tạo đã xây dựng các chương trình truyền cảm hứng khởi nghiệp cho sinh viên thông qua các hội thảo, tọa đàm, cuộc thi về khởi nghiệp của trường hoặc đưa sinh viên dự thi khởi nghiệp tại các cuộc thi cấp vùng, cấp Bộ. Cả nước có 200 cán bộ tư vấn, hỗ trợ khởi nghiệp trong các cơ sở đào tạo; 60% các trường thành lập được các câu lạc bộ khởi nghiệp thuộc các lĩnh vực ưu tiên dựa trên thế mạnh đào tạo của

trường; 90 cơ sở đào tạo đã bố trí được các không gian chung hỗ trợ khởi nghiệp dành cho học sinh, sinh viên (Hùng T., 2023).

Trên phạm vi cả nước, tính đến năm 2022 có 45 cơ sở đào tạo (chiếm 25%) đã thành lập được các trung tâm hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, trong đó có 10 trung tâm đã và đang thực hiện việc ươm tạo các doanh nghiệp khởi nghiệp của sinh viên. Bộ Giáo dục và Đào tạo hỗ trợ cho 23 cơ sở giáo dục đại học tổ chức thí điểm xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2023). Mặc dù chưa có báo cáo thống kê nào công bố về số lượng hay tỷ lệ sinh viên khởi nghiệp thay cho đi làm thuê để đánh giá được thực trạng khởi nghiệp hiện nay của sinh viên vùng ĐBSCL nói riêng và cả nước nói chung nhưng cũng đã cho thấy sự quan tâm rất lớn của các Bộ Ngành nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, tạo động cơ khởi nghiệp, đưa nhận thức về khởi nghiệp vào tâm trí của học sinh, sinh viên nhằm thôi thúc tinh thần khởi nghiệp cho sinh viên và cũng là đang góp phần xây dựng động lực “quốc gia khởi nghiệp” cho vùng ĐBSCL và cả nước.

### 3.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên vùng ĐBSCL

Ý định khởi nghiệp là một trong những vấn đề then chốt để khởi nghiệp bởi phải nhận thức, hình thành ý định này trong tâm trí thì mới thôi thúc thành hành động khởi nghiệp. Thời gian qua, chưa có nghiên cứu nào nghiên cứu về những yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên vùng ĐBSCL nhưng đã có những nghiên cứu riêng lẻ về ý định khởi nghiệp của sinh viên tại một tỉnh/thành cụ thể như thành phố Cần Thơ (Tú, 2017; Định, 2021; Phát, 2023), tỉnh Kiên Giang (Linh, 2022), tỉnh Tiền Giang (Hiền, 2020) hoặc nghiên cứu về tổng quan lý thuyết về ý định khởi nghiệp của sinh viên (Tiên, 2017). Nhìn chung, qua những nghiên cứu này có những yếu tố chính ảnh hưởng

đến hình thành ý định khởi nghiệp của sinh viên là:

**Yếu tố về kiến thức:** Sinh viên điểm kiến thức càng cao thì ý định khởi nghiệp sẽ càng cao. Điểm kiến thức này được đo lường bằng kết quả học tập, theo đó, sinh viên có kết quả học tập từ khá trở lên có ý định khởi nghiệp chiếm tỷ lệ cao.

**Yếu tố về thái độ và đặc điểm tính cách:** Yếu tố này có khả năng ảnh hưởng lớn đến quyết định có ý định khởi nghiệp hay không. Thái độ và tính cách của cá nhân sẽ quyết định tính cách, niềm đam mê của cá nhân đó và là động lực để nuôi dưỡng ý định khởi nghiệp của sinh viên. Nếu sinh viên trau dồi, rèn luyện những đặc điểm tính cách chủ động như: bản lĩnh dám đối mặt với trở ngại, tính tự lập, dám chấp nhận rủi ro,... thì ý định khởi nghiệp của sinh viên sẽ càng mạnh mẽ và dễ dàng trở thành hành động khởi nghiệp.

**Yếu tố ý kiến của người xung quanh/ quy chuẩn chủ quan:** Yếu tố này có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Nếu sinh viên được sự ủng hộ từ gia đình, người thân, bạn bè,... thì sinh viên sẽ có thêm động lực để thực hiện đam mê khởi nghiệp.

**Yếu tố môi trường khởi nghiệp:** Nếu sinh viên được tạo điều kiện tốt về khởi nghiệp sẽ giúp khơi gợi niềm đam mê và sự sáng tạo của sinh viên để khởi nghiệp. Tạo môi trường cho sinh viên được tiếp cận kiến thức về khởi nghiệp, sự hướng dẫn của Thầy Cô lĩnh vực khởi nghiệp sẽ tạo nền tảng cho sinh viên mạnh dạn khởi nghiệp.

**Yếu tố về giáo dục khởi nghiệp:** Giáo dục khởi nghiệp có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp, nếu sinh viên càng nhận được nhiều sự giáo dục về khởi nghiệp tại trường đại học thông qua học phần về khởi nghiệp, tham gia các cuộc thi về khởi nghiệp hoặc tập huấn kiến thức về khởi nghiệp, lập kế hoạch kinh doanh,... sẽ góp phần nâng cao ý định khởi nghiệp cho sinh viên.

**Yếu tố về nhận thức kiểm soát hành vi:** Yếu tố này có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Nếu nhận thức kiểm soát hành vi của sinh viên tăng thì ý định khởi nghiệp của sinh viên cũng tăng theo.

**Yếu tố kinh nghiệm:** Kinh nghiệm của sinh viên là yếu tố có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp, những sinh viên có kinh nghiệm tổ chức hoạt động kinh doanh, bán hàng, quản lý, tham chương trình thực tập sinh tại công ty,... sẽ giúp sinh viên định hướng được bản thân có ý định khởi nghiệp hay không.

Qua tổng hợp những yếu tố trên cho thấy, có 2 nhóm yếu tố chính là yếu tố chủ quan của sinh viên và yếu tố khách quan bên ngoài. Đối với yếu tố chủ quan (kiến thức, thái độ và đặc điểm tính cách, nhận thức kiểm soát hành vi, kinh nghiệm) thì sinh viên cần tích cực làm việc, tham gia các hoạt động trải nghiệm để có

được kinh nghiệm, bản thân sinh viên phải có thái độ tích cực, tinh thần chịu khó thì mới phát triển được ý định khởi nghiệp. Đối với yếu tố khách quan (ý kiến của người xung quanh/quy chuẩn chủ quan, môi trường khởi nghiệp, giáo dục khởi nghiệp) thì các cơ sở đào tạo cần tạo môi trường để sinh viên hình thành ý định khởi nghiệp, thường xuyên đào tạo, hướng dẫn, cung cấp kiến thức về khởi nghiệp cho sinh viên và nhà trường, gia đình cần động viên sinh viên hoặc có những suy nghĩ theo hướng tích cực về khởi nghiệp để tạo thêm động lực cho sinh viên vững tin với ý định khởi nghiệp của mình.

### 3.4. Phân tích ma trận SWOT về hoạt động khởi nghiệp của sinh viên vùng ĐBSCL

Qua thu thập thông tin thứ cấp và đánh giá của nhóm tác giả đã xác định được những điểm mạnh (S), điểm yếu (W), cơ hội (O), thách thức (T) của sinh viên khi khởi nghiệp và được trình bày ở ma trận SWOT sau.

**Bảng 2: Ma trận SWOT về khởi nghiệp của sinh viên vùng ĐBSCL**

| SWOT | Cơ hội                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Thách thức                                                                                                                                                                                                                            |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|      | <p><b>O<sub>1</sub>:</b> Được sự quan tâm của Chính phủ về khởi nghiệp (Đề án Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025, các cuộc thi khởi nghiệp,...).</p> <p><b>O<sub>2</sub>:</b> Chương trình cấp vốn của doanh nghiệp cho những ý tưởng khởi nghiệp đạt giải trong các cuộc thi khởi nghiệp/ý tưởng khả thi.</p> <p><b>O<sub>3</sub>:</b> Cơ sở đào tạo có kế hoạch triển khai công tác hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp.</p> <p><b>O<sub>4</sub>:</b> Sự phát triển của khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin như trí tuệ nhân tạo (AI), Big data, Blockchain,... và chuyển đổi số tạo cơ hội ứng dụng các</p> | <p><b>T<sub>1</sub>:</b> Môi trường kinh doanh thay đổi nhanh chóng dễ dẫn đến thất bại khi khởi nghiệp.</p> <p><b>T<sub>2</sub>:</b> Sản phẩm/dịch vụ khởi nghiệp chưa được đăng ký quyền sở hữu trí tuệ nên rất dễ bị sao chép.</p> |

|                                                                                                                      |                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                              |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                      | công nghệ này mở ra khả năng sáng tạo không giới hạn đối với các sản phẩm, dịch vụ mới để khởi nghiệp.                                                           |                                                                                                                                              |
| <b>Điểm mạnh</b>                                                                                                     | <b>S<sub>1-3</sub>, O<sub>1-4</sub>:</b> Nâng cao tinh thần, ý định khởi nghiệp của sinh viên thông qua các cuộc thi khởi nghiệp, mô hình khởi nghiệp điển hình. | <b>S<sub>3</sub>; T<sub>2</sub>:</b> Trợ giúp sinh viên tiếp cận chính sách hỗ trợ để đăng ký quyền sở hữu trí tuệ cho sản phẩm/dịch vụ mới. |
| <b>S<sub>1</sub>:</b> Sinh viên được trang bị kiến thức về khởi nghiệp.                                              |                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                              |
| <b>S<sub>2</sub>:</b> Sinh viên có nhiệt huyết, tinh thần chịu thách thức và có sức khỏe tốt.                        |                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                              |
| <b>S<sub>3</sub>:</b> Khả năng đổi mới, sáng tạo của sinh viên cao, có nhiều ý tưởng kinh doanh để khởi nghiệp.      |                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                              |
| <b>Điểm yếu</b>                                                                                                      | <b>W<sub>1-2</sub>; O<sub>2</sub>:</b> Kết nối sinh viên có những ý tưởng khởi sự kinh doanh với những doanh nghiệp cấp vốn.                                     | <b>W<sub>2</sub>, T<sub>1</sub>:</b> Hình thành hệ sinh thái hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp.                                                   |
| <b>W<sub>1</sub>:</b> Khả năng tiếp cận vốn của sinh viên còn hạn chế.                                               |                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                              |
| <b>W<sub>2</sub>:</b> Khó tìm được những người đồng hành để cùng khởi nghiệp.                                        | <b>W<sub>3</sub>; O<sub>1-2,4</sub>:</b> Tăng cường cung cấp kiến thức, tư vấn cho sinh viên khởi nghiệp.                                                        |                                                                                                                                              |
| <b>W<sub>3</sub>:</b> Thiếu kiến thức về pháp lý khi khởi sự kinh doanh như kiến thức về luật doanh nghiệp, thuế,... |                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                              |

*Nguồn: Phân tích của tác giả, (2024).*

3.5. Giải pháp thúc đẩy sinh viên khởi nghiệp

Từ kết quả phân tích ma trận SWOT và những yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên qua lược khảo từ những nghiên cứu trước đây, tác giả đề xuất giải pháp nhằm thúc đẩy sinh viên khởi nghiệp như sau:

**Nâng cao tinh thần, ý định khởi nghiệp của sinh viên thông qua các cuộc thi khởi nghiệp, mô hình khởi nghiệp điển hình.** Các trường đại học, các Sở ngành, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục tổ chức những cuộc thi về khởi nghiệp để nâng cao nhận thức, tinh thần khởi nghiệp cho sinh viên. Cần đẩy mạnh công tác chuyển giao ý tưởng, dự án đạt giải

cao hoặc có tính khả thi cao cho doanh nghiệp nhằm giúp lan tỏa, nhân rộng mô hình khởi nghiệp thành công.

**Trợ giúp sinh viên tiếp cận chính sách hỗ trợ để đăng ký quyền sở hữu trí tuệ cho sản phẩm/dịch vụ mới.** Hiện nay, Chính phủ có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể về chi phí khi đăng ký quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm/dịch vụ có ứng dụng công nghệ mới hoặc đổi mới sáng tạo trong sản phẩm/dịch vụ. Vì vậy, Nhà trường, các Sở ngành tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận chính sách hỗ trợ này để đăng ký quyền sở hữu trí tuệ để ý tưởng sản phẩm/dịch vụ không bị sao chép khi đang trong quá trình hoàn thiện để đưa ra thị trường.

**Kết nối sinh viên có những ý tưởng khởi sự kinh doanh với những doanh nghiệp cấp vốn.** Tinh thần khởi nghiệp của sinh viên sẽ bị chững lại nếu sinh viên có ý tưởng tốt, khả thi về sản phẩm/dịch vụ để khởi nghiệp nhưng không có vốn để vận hành ý tưởng đó. Do đó, việc kết nối sinh viên với doanh nghiệp cấp vốn là giải pháp cần thiết để giúp việc hình thành ý tưởng khởi nghiệp cho đến hành động thực tế là khởi nghiệp.

**Tăng cường cung cấp kiến thức, tư vấn cho sinh viên khởi nghiệp.** Tiếp tục tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng khởi sự kinh doanh cho sinh viên, đặc biệt là những kiến thức về pháp luật để sinh viên hiểu biết về pháp luật cần thiết khi khởi nghiệp và giúp sinh viên ngay từ bước đầu khởi nghiệp đã có ý thức chấp hành pháp luật.

**Hình thành hệ sinh thái hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp.** Để thực hiện giải pháp này nhằm thúc đẩy và tạo dựng sự kết nối cho sinh viên trong vùng ĐBSCL và cả nước cần xây dựng một website kết nối giữa sinh viên với các cố vấn, vườn ươm, quỹ đầu tư, doanh nghiệp,... giúp những dự án/ý tưởng khởi nghiệp được hỗ trợ, tư vấn ngay từ ban đầu sẽ góp phần nâng cao khả năng thành công của các dự án/ý tưởng đó và tạo được hiệu ứng lan tỏa tinh thần khởi nghiệp đến sinh viên.

Ngoài ra, cũng cần có cơ quan chịu trách nhiệm ban hành các tiêu chí để theo dõi, thu thập thông tin để đánh giá về hoạt động khởi nghiệp, hiệu quả khởi nghiệp,... của sinh viên để các Sở ngành, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở đào tạo có được thông tin đầu vào để xây dựng chương trình khởi nghiệp của đơn vị mình.

#### 4. KẾT LUẬN

Khởi nghiệp là một trong những con đường khi đang học ở giảng đường đại học hoặc sau tốt nghiệp đại học của sinh viên, thay vì sinh viên tốt nghiệp đi làm thuê thì có thể khởi nghiệp để bắt đầu tạo dựng một hoạt động kinh doanh nào đó. Thời gian qua các cơ

sở đào tạo, các Sở Ngành, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có những hỗ trợ thúc đẩy sinh viên khởi nghiệp nhưng nhìn chung tỷ lệ sinh viên khởi nghiệp còn rất thấp, những sinh viên khởi nghiệp này có “cầm cự”, lèo lái hoạt động kinh doanh tốt hay không,... vẫn chưa được nghiên cứu hay thống kê. Qua lược khảo những nghiên cứu trước đây, bài viết đã xác định có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên và qua phân tích ma trận SWOT đã đề xuất được 5 giải pháp góp phần thúc đẩy sinh viên khởi nghiệp, bao gồm: i) Nâng cao tinh thần, ý định khởi nghiệp của sinh viên thông qua các cuộc thi khởi nghiệp, mô hình khởi nghiệp điển hình; ii) Trợ giúp sinh viên tiếp cận chính sách hỗ trợ để đăng ký quyền sở hữu trí tuệ cho sản phẩm/dịch vụ mới; iii) Kết nối sinh viên có những ý tưởng khởi sự kinh doanh với những doanh nghiệp cấp vốn; iv) Tăng cường cung cấp kiến thức, tư vấn cho sinh viên khởi nghiệp; v) Hình thành hệ sinh thái hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp.

#### Tài liệu tham khảo

Bird, B., (1988), “Implementing entrepreneurial ideas: The case for intention”. Academy of Management Review, 13, 442-453.

Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2023), “Tạo môi trường tốt nhất hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp”, xem tại: <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-tong-hop.aspx?ItemID=8835> (truy cập ngày 23 tháng 2 năm 2024).

Dohse, D., Walter, S. G., (2012), “Knowledge Context and Entrepreneurial Intentions among Students”, Small Business Economics, 39, 877-895.

Định, N.V và cộng sự, 2021, “Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Nam Cần Thơ”, Tạp chí khoa học Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh, số 17 (2), trang 52-68.

Hiền, V.V và Trang, L.H.V, 2020, “Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Tiền Giang”, Tạp chí khoa học Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh, số 16 (2), trang 170-192.

Hisrich, R. D., Peters, M. P, (2002), *Entrepreneurship* - 5th edition. New York:

Hùng T., 2023, “Tỷ lệ sinh viên tham gia khởi nghiệp hơn 7%/năm”, xem tại: <https://vietnamnet.vn/ty-le-sinh-vien-tham-gia-khoi-nghiep-hon-7-nam-2207702.html> (truy cập ngày 25 tháng 2 năm 2024).

Koe, W.-L., Sa'ari, J. R., Majid, I. A., & Ismail, K., (2012), “Determinants of Entrepreneurial Intention Among Millennial Generation”, *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, 40, 197-208.

Kuckertz, A., & Wagner, M., (2010), “The Influence of Sustainability Orientation on Entrepreneurial Intentions - Investigating the Role of Business Experience”, *Journal of Business Venturing*, 25, 524-539.

Linh, N.T.M và cộng sự, (2022), “Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Kiên Giang”, Tạp chí khoa học Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh, số 18 (1), trang 35-49.

Macmillan.I.C., (1993). “The emerging forum for entrepreneurship scholars”, *Journal of Business Venturing*. V.8, Issue 5, P.377-381.

McGraw-Hill, Nga, J. K. H., & Shamuganathan, G., (2010), “The influence of personality traits and demographic factors on social entrepreneurship start up intentions”, *Journal of Business Ethics*, 95(2), 259-282.

Phát N.B., và cộng sự, (2023), “Nghiên cứu kiến thức và các yếu tố liên quan đến khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học y dược Cần Thơ năm 2022-2023”, Tạp chí y dược học Cần Thơ, số 69/2023, trang 157-163.

Souitaris, V., Zerbinati, S., Al-Laham, A., (2007), “Do entrepreneurship programmes raise entrepreneurial intention of science and engineering students? The effect of learning, inspiration and resources”, *Journal of Business Venturing*, 22(4), 566-591.

Tiên, N.T.T, Việt, C.Q, (2016), “Tổng quan lý thuyết về ý định khởi nghiệp của sinh viên”, Tạp chí khoa học Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh, số 11 (3), trang 102-111.

Tổng Cục thống kê (2023), *Niên giám thống kê năm 2022*, Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội.

Tú, P.A, Huy, T.Q, (2017), “Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ”, Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, tập 48 (Phần D), trang 96-103.

## SOLUTIONS TO PROMOTE STUDENT ENTREPRENEURSHIP IN THE MEKONG DELTA REGION

### ABSTRACT

*Based on the secondary data collection on student entrepreneurship in the Mekong Delta region and Việt Nam, the article employs qualitative analysis methods to synthesize information and SWOT matrix to evaluate the current status of student entrepreneurship in the Mekong Delta region, find the factors influencing students' entrepreneurial intentions and propose solutions to promote student entrepreneurship. Through the study, the author has proposed 5 solutions to promote student entrepreneurship, including: i) Enhancing students' entrepreneurial spirit and intentions; ii) Assisting students in accessing support policies to register intellectual property rights for new products/services; iii) Connecting students with business startup ideas to venture capital firms; iv) Enhancing knowledge provision and counseling for student entrepreneurship; v) Establishing an ecosystem to support student entrepreneurship.*

**Keywords:** *Entrepreneurship, entrepreneurial intention, student entrepreneurship*